

Số: 02/2023/QĐST-DS

Mường Lát, ngày 13 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT, TỈNH THANH HÓA

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vi Thị Hương
2. Bà Phan Thị Mây

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 147, 148, 288, 357, 463, 466 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 8 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 05/2022/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2022

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Bá T, sinh năm 1992

Trú tại: Khu 2, thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Lao động tự do

Bị đơn: Chị Cao Thị Đ, sinh năm 1976

Trú tại: Khu phố Tén Tẩn, thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Giáo viên mầm non.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:⁽⁵⁾

2.1. Các đương sự thống nhất: Do quan hệ quen biết, nên chị Đ có đến gặp Phạm Bá T trình bày là gặp khó khăn trong cuộc sống, nên trong khoảng thời gian từ tháng 7/2019 đến tháng 10/2021 chị Đ đã 05 lần vay tiền của T với tổng

số tiền là 457.000.000đ (Bốn trăm năm mươi bảy triệu đồng). Cụ thể: Ngày 26/7/2019 chị Đào vay số tiền là: 10.000.000đ (Mười triệu đồng); Ngày 03/8/2019 chị Đ lại vay tiếp số tiền là: 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng); Ngày 25/9/2019 chị Đ lại tiếp tục vay số tiền là: 5.000.000đ (Năm triệu đồng); Ngày 07/10/2021 chị Đ vay tiếp 335.000.000đ (Ba trăm ba mươi lăm triệu đồng); Ngày 12/10/2021 chị Đ tiếp tục vay 95.000.000đ (Chín mươi lăm triệu đồng). Anh T cho chị Đ vay tiền không tính lãi suất, chị Đ trình bày là chị vay tiền với mục đích là để đảo hạn Ngân hàng và phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng. Khi vay tiền, chị Đ có viết giấy vay tiền và ký tên vào các Giấy vay tiền, mỗi lần chị Đ vay đều có bà Hàn Thị D là người làm chứng. Việc vay tiền được lập thành hợp đồng, có chữ ký, chữ viết của chị Cao Thị Đ và người làm chứng. Khi vay tiền, chị Đ và anh T có thỏa thuận với nhau về thời hạn trả nợ, cụ thể: Lần 1: ngày 26/7/2019 ngày hẹn trả nợ 26/10/2019; Lần 2, vay ngày 03/8/2019 ngày hẹn trả nợ 30/11/2019; Lần 3: Vay ngày 25/9/2019 ngày hẹn trả nợ 08/11/2019; Lần 4: Vay ngày 07/10/2021 ngày hẹn trả nợ 14/10/2021; Lần 5: Vay ngày 12/10/2021 hẹn trả nợ ngày 26/10/2021,

Quá trình thực hiện hợp đồng, đến hạn trả nợ, nhưng chị Cao Thị Đ không thực hiện hợp đồng như đã cam kết. Ngày 18/10/2022 anh Phạm Bá T đã khởi kiện ra Tòa án yêu cầu chị Cao Thị Đ phải trả số tiền gốc đã vay (05 lần) là 457.000.000đ (Bốn trăm năm mươi bảy triệu đồng) và tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày chị Cao Thị Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ trên từng giấy vay.

Tại phiên tòa ngày 10/02/2023 phải hoãn, do bị đơn yêu cầu triệu tập người làm chứng Hàn Thị D phải tham gia phiên tòa. Nên HĐXX đã phải hoãn phiên tòa xét xử.

Tại phiên tòa (ngày 10 và 13/3/2023), các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận, thống nhất chị Cao Thị Đ còn nợ anh Phạm Bá T số tiền gốc là 457.000.000đ (Bốn trăm năm mươi bảy triệu đồng) và tiền lãi suất (của cả 05 lần vay) tính từ ngày chị Cao Thị Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến ngày xét xử là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng chẵn). Tổng cộng chị Cao Thị Đ phải trả cho anh Phạm Bá T số tiền gốc và lãi suất là 507.000.000đ (Năm trăm linh bảy triệu đồng chẵn).

2.2. Phương thức trả và thời gian trả các đương sự thống nhất như sau:

- Từ tháng 4 đến hết tháng 7 năm 2023, mỗi tháng chị Cao Thị Đ có nghĩa vụ trả cho anh Phạm Bá T số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng chẵn). Thời gian trả nợ hàng tháng tính từ ngày 01 đến ngày 20 hàng tháng.

- Từ tháng 8 năm 2023, mỗi tháng chị Cao Thị Đ có nghĩa vụ trả cho anh Phạm Bá T số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng chẵn) cho đến khi hết số tiền phải trả cho anh Phạm Bá T. Thời gian trả nợ hàng tháng tính từ ngày 01 đến

ngày 20 hàng tháng.

Trường hợp chị Cao Thị Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán ở bất kỳ đợt thanh toán nào thì anh Phạm Bá T đều có quyền nộp đơn yêu cầu thi hành án và thi hành một lần toàn bộ số tiền phải trả còn lại.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357, 468 của Bộ Luật dân sự.

2.3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Cao Thị Đ phải nộp 12.140.000^d (Mười hai triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Anh Phạm Bá T phải nộp 12.140.000^d (Mười hai triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Chấp nhận anh Phạm Bá T đã nộp 11.140.000^d (Mười một triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0013869 ngày 20/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Anh Phạm Bá T còn phải tiếp tục nộp 1.000.000đ (Một triệu đồng chẵn) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Mường Lát;
- Phòng 9 - VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Phòng KTNV - TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục thi hành án dân sự H. Mường Lát;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng

Nơi nhận:

- (Ghi theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 212 của Bộ luật tố tụng dân sự);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 39-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 56/2016/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2016/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).

(6) Phần cuối cùng của Quyết định cần phải có đầy đủ chữ ký, họ và tên của các thành viên Hội đồng xét xử (Quyết định này phải lưu vào hồ sơ vụ án); Quyết định gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức khởi kiện và Viện kiểm sát cùng cấp thì cần ghi như sau:

Nơi nhận:

- Đương sự, cơ quan, tổ chức khởi kiện;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên và đóng dấu của Tòa án)

(Họ và tên)